TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN
*****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------o0o-------

Bản án số: 37/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29/7/2019
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Trần Huy Long

Các hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Tố Tâm và ông Trần Quốc Đấu

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Hồ Hòa – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên toà: Bà Đậu Thị Hoài - Kiểm sát viên

Ngày 29/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 248/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51 ngày 28/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T H sinh năm 1974; Nơi đăng ký HKTT: khối X, phường H, thành phố V, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: số 577, đường T, thị trấn P, huyện N, tỉnh K; Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Sỹ M, sinh năm 1963; Nơi đăng ký HKTT: khối X, phường H, thành phố V, tỉnh N; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn xin khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay của bà Nguyễn Thị T T thì bà T và ông Nguyễn Sỹ M chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không phù hợp tính tình, cách sống, thường xảy ra cãi cọ thậm chí đánh đập. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm t rọng nên xin được ly hôn hoặc không công nhận quan hệ vợ chông với ông M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Sỹ M1, sinh ngày 11/10/1993 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 15/01/2002. Hiện nay, con chung là Nguyễn Sỹ M1 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Nguyễn Thị Hải Y thì bà T đồng ý để cháu Y ở với ông M.

Về tài sản: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Sỹ M đã được tống đạt các văn bản tố tụng nhưng đều từ chối nhận và vắng mặt không rõ lý do và cũng không có ý kiến gửi cho Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Sỹ M; Giao con chung chưa đủ tuổi trưởng thành là Nguyễn Thị Hải Y cho ông Nguyễn Sỹ M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T T làm đơn yêu cầu được ly hôn hoặc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Sỹ M nên Tòa án thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, ông Nguyễn Sỹ M vắng mặt nhưng phiên toà đã được mở lần thứ hai, ông M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bà Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ tình cảm: bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Sỹ M chung sống với nhau từ năm 1992. Tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Do đó, quan hệ hôn nhân đã vi phạm điều kiện về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Quá trình chung sống giữa bà T và ông M cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn , mâu thuẫn đã trầm trọng nên xin được ly hôn hoặc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông M. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa bà T và ông M đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên cần căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông M như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Sỹ M1, sinh ngày 11/10/1993 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 15/01/2002. Hiện nay, con chung là Nguyễn Sỹ M1 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Nguyễn Thị Hải Y hiện nay đang ở với ông M và có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố, bà T cũng đồng ý để cháu Yến ở với ông M. Vì vậy, cần giao con chung là Nguyễn Thị Hải Y cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông M không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên nếu ông M có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về tài sản: Bà T không cầu Toà án giải quyết nên miễn xét. Ông M có quyền yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung bằng một vụ kiện khác.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 147; điều 207, điều 227, điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 9, điều 14, điều 15; khoản 2 điều 53, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T T và ông Nguyễn Sỹ M.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 15/01/2002 cho ông Nguyễn Sỹ M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị Thu T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST(Được khấu trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo BL số 0006230 ngày 13/5/2019).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Huy Long

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Vinh*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu*